

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-PT  
Ngày 24 - 01 - 2022  
“V/v Tranh chấp hợp đồng ủy  
quyền”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chế Linh

*Các Thẩm phán:*

Bà Võ Bích Hải

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DSST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Ông Lê Văn P và bà Trần Thị Mỹ N; cư trú tại ấp T, xã L, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh C; cư trú tại: phường P, quận K, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2018).

**- Bị đơn:** Ông Đỗ Văn K; cư trú tại: phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông Lê Kim B là Luật sư thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật - Hội Luật gia thành phố Cần Thơ.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Văn phòng công chứng C

Địa chỉ: Phường P, quận R, thành phố Cần Thơ.

2. Công ty T

Địa chỉ cũ: Phường L, quận K, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ mới: Phường P, quận R, thành phố Cần Thơ.

3. Bà Lê Thị Thu H; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Nguyễn Thanh B; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

5. Bà Nguyễn Thị Đ; cư trú tại: Phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo: Ông Lê Văn P và bà Trần Thị Mỹ N là nguyên đơn.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 17/11/2010, nguyên đơn có ký hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng (thời hạn ủy quyền là 15 năm không có thù lao). Theo hợp đồng ủy quyền thì bị đơn được thay mặt nguyên đơn nhận tiền bồi hoàn, nhận nền tái định cư và được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nhà nước cấp nền tái định cư, làm tất cả các thủ tục liên quan đến nền tái định cư và được toàn quyền định đoạt, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, tặng cho đối với nền tái định cư được cấp. Theo nội dung ủy quyền này chỉ có nguyên đơn ký tên trong văn bản ủy quyền là sai vì phần đất này là của hộ gia đình khi nhà nước thu hồi thì cũng xem xét cấp lại nền tái định cư theo hộ gia đình. Do đó, nguyên đơn ký ủy quyền cho bị đơn mà không có ý kiến của hộ gia đình là trái với quy định của pháp luật gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2010 đã ký kết tại Văn phòng công chứng C.

- *Theo bản khai và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn trình bày:*

Ngày 22/11/2006, giữa ông và ông Lê Văn P có ký hợp đồng mua bán nhà - đất tọa lạc tại số 61 khu vực T, phường T với giá là 1.040.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận và thống nhất sẽ thanh toán đủ số tiền thành các đợt như sau: đợt 1 ngày 25/9/2006 tất cả số tiền là 520.000.000 đồng, đợt 2 ngày 12/12/2006 trả tiếp 220.000.000 đồng, đến ngày 22/12/2006 trả tiếp 100.000.000 đồng, còn lại đến ngày 20/12/2006 (âm lịch) trả 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế ông đã giao tiền chuyển nhượng rất nhiều lần cho nguyên đơn cụ thể: Ngày 19/7/2006, ông P đã nhận 80.000.000 đồng; Ngày 25/9/2006, ông P đã nhận 520.000.000 đồng; Ngày 12/12/2006, ông P đã nhận 100.000.000 đồng; Ngày 08/02/2007, ông P đã nhận 200.000.000 đồng; Ngày 15/02/2007, ông P đã nhận 70.000.000 đồng; Ngày 16/3/2007, ông P đã nhận 80.000.000 đồng; Ngày 23/3/2007, ông P đã nhận 50.000.000 đồng; Ngày 31/3/2007, ông Nguyễn Thanh B (con rể ông Lê Văn P) đã nhận 22.000.000 đồng. Hai bên thống nhất sẽ giao nhận bất động sản chuyển nhượng nói trên từ khi ký hợp đồng mua bán. Việc ký kết hợp đồng mua bán nhà đất ngày 22/11/2006 có ông Võ Văn T ký tên chứng kiến. Đồng thời, trước ngày ký hợp đồng mua bán nhà đất này thì ông P có ký nhận số tiền 80.000.000 đồng

là nhận thanh toán tiền đất tại số 61, ấp Thạnh Hòa vào ngày 19/7/2006. Ngày 07/9/2006, ông Lê Văn P có ký xác nhận ủy quyền tại Ủy ban nhân dân phường T cho ông Đỗ Văn K thực hiện các thủ tục nhận tiền bồi hoàn có liên quan đến phần đất nêu trên. Ngày 27/11/2006 bà Lê Thị Thu H (con ông P) có ký giấy xác nhận ủy quyền tại Ủy ban nhân dân phường T cho ông Đỗ Văn K được thực hiện mọi thủ tục để nhận tiền bồi hoàn có liên quan đến hoa màu vật kiến trúc của bà H. Đến ngày 17/11/2010 hai bên có ký kết hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng C. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2010 thì bị đơn được thay mặt nguyên đơn nhận tiền bồi hoàn, nhận nên tái định cư và được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nhà nước cấp nên tái định cư, làm tất cả các thủ tục liên quan đến nên tái định cư và được toàn quyền định đoạt, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, tặng cho đối với nên tái định cư được cấp. Vì vậy, việc mua bán - chuyển nhượng phần đất tranh chấp này đã hoàn tất trước khi ký kết hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2010 nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền này.

*- Tại tờ tường trình ngày 06/3/2019, ông Võ Văn T (người làm chứng) trình bày:*

Vào ngày 22/11/2006, ông T có chứng kiến hợp đồng mua bán nhà và đất giữa ông P, bà Nữ với ông K phần đất có diện tích 4.000m<sup>2</sup>, trong đó có 900m<sup>2</sup> đất thổ cư tọa lạc tại ấp T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ với giá là 1.040.000.000 đồng. Ông là người trực tiếp chứng kiến và có ký tên làm chứng hợp đồng mua bán nhà ngày 22/11/2006. Ông T cam đoan lời làm chứng là hoàn toàn đúng sự thật, nếu có gian dối thì ông chịu trách nhiệm trước pháp luật và ông khẳng định nguyên đơn thực sự có chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp này cho bị đơn.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Văn phòng công chứng C trình bày:*

Ngày 17/11/2010, bà Trần Thị Mỹ N, ông Lê Văn P và ông Đỗ Văn K có yêu cầu công chứng hợp đồng ủy quyền giữa nguyên đơn và bị đơn liên quan đến suất nên tái định cư được cấp do bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng khu tái định cư Phú An theo quyết định thu hồi đất số 1918/QĐ-UBND ngày 28/11/2007 của Ủy ban nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Theo hai bên trình bày vào khoảng năm 2005 hoặc 2006, ông K đã mua phần diện tích đất khoảng 4.000m<sup>2</sup> của ông P, bà Nữ nhưng do đất nằm khu quy hoạch nên ông K không thể đăng ký sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được mà chỉ đến Ủy ban nhân dân phường T làm ủy quyền. Do đó, khi bị giải tỏa thu hồi do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn tên của ông P nên trong các quyết định thu hồi đất và biên bản giao mặt bằng vẫn do ông P đứng tên nhưng ông K là người đại diện làm tất cả các việc đó (theo ủy quyền do Ủy ban nhân dân phường T chứng thực) kể cả việc nhận tiền bồi hoàn, bồi thường từ Công ty T. Do đó, hai bên đến công chứng lập hợp đồng ủy quyền bổ sung để ông K được bóc thăm nhận nên và được toàn quyền định đoạt các nên tái định cư liên quan đến phần đất bị thu hồi. Theo đó, nguyên đơn và bị đơn đã xuất trình các giấy tờ liên quan suất nên tái định cư

như quyết định thu hồi đất, biên bản bàn giao mặt bằng, giấy đề nghị chi tiền bồi hoàn cùng các giấy tờ tùy thân của các bên. Sau khi hai bên đọc lại toàn bộ nội dung hợp đồng ủy quyền và đã được công chứng viên giải thích về quyền và nghĩa vụ của hai bên. Cả hai bên đều thống nhất và tự nguyện ký vào hợp đồng ủy quyền. Nay các bên có tranh chấp nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, Văn phòng công chứng C yêu cầu được vắng mặt trong tất cả phiên họp, phiên tòa và không có ý kiến gì thêm.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty T trình bày:*

Ngày 28/11/2007, Ủy ban nhân dân quận Cái Răng có ra Quyết định thu hồi đất số 1918/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn P, đất tọa lạc tại phường T, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, thu hồi diện tích 4.067,8m<sup>2</sup>. Ngày 29/9/2010 Ủy ban nhân dân quận Cái Răng ra Quyết định số 1207/UBND-KT về việc phê duyệt tái định cư dự án xây dựng khu tái định cư tập trung Phú An, trong đó ông Lê Văn P được xem xét bán tái định 150m<sup>2</sup>. Căn cứ giấy ủy quyền ngày 07/9/2006 được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận về việc ông Lê Văn P ủy quyền cho ông Đỗ Văn K “thực hiện các thủ tục nhận tiền bồi hoàn có liên quan đến phần đất nói trên”. Căn cứ bảng chiết tính giá trị ngày 08/11/2006 của Ban bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng quận Cái Răng, số tiền bồi thường của ông Lê Văn P là 922.603.616 đồng. Công ty đã tiến hành chi trả cho ông Đỗ Văn K đủ 922.603.616 đồng (cụ thể: lần 1 ngày 08/9/2006 ông K nhận 200.000.000 đồng, lần 2 ngày 22/9/2006 ông K nhận 300.000.000 đồng, lần 3 ngày 27/9/2006 ông K nhận 100.000.000 đồng, lần 4 ngày 19/01/2007 ông K nhận 200.000.000 đồng, lần 5 ngày 29/01/2007 ông K nhận 100.000.000 đồng và lần 6 ngày 22/3/2007 ông K nhận 22.603.616 đồng). Căn cứ Quyết định số 1207/UBND-KT ngày 29/9/2010 về việc phê duyệt tái định cư 150m<sup>2</sup>. Căn cứ hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2010 được thực hiện tại Văn phòng công chứng C. Ngày 24/11/2010. Công ty đã ban hành biên bản về việc xếp lô cho ông Đỗ Văn K 02 lô gồm 128A2 (diện tích 5x20=100m<sup>2</sup>) và 130A2 (diện tích 5x20 = 100m<sup>2</sup>), tổng diện tích 02 lô là 200m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích được xét bán tái định cư 150m<sup>2</sup> hộ dân nộp với giá 2.800.000đồng/m<sup>2</sup>, phần diện tích chênh lệch do bố trí lô nền so với diện tích được bán tái định cư là 50m<sup>2</sup> nộp theo giá quy định của Công ty. Ông P và ông K đã nhiều lần liên hệ Công ty để nộp tiền nhưng do các bên có tranh chấp với nhau nên tới thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa thu tiền và chưa bàn giao nền đối với 02 lô này. Nay các bên có tranh chấp phía Công ty yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, Công ty yêu cầu được vắng mặt trong tất cả phiên họp, phiên tòa và không có ý kiến gì thêm.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Thu H trình bày:*

Vụ kiện giữa nguyên đơn và bị đơn đang được Tòa án thụ lý và giải quyết. Việc ông K có đề cập đến nền tái định cư mà phía Công ty xem xét cấp cho bà hoàn toàn không có liên quan đến vụ kiện này nên khiếu nại của ông K đối với lô nền của bà là không có căn cứ để xem xét trong vụ án này. Do bà không có tham

gia ký kết hợp đồng ủy quyền nên bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và không có khiếu nại gì về sau.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Thanh B trình bày:*

Ông có biết việc ký kết hợp đồng ủy quyền giữa nguyên đơn và bị đơn vào ngày 17/11/2010 nhưng không biết việc biết ký kết này có phù hợp với quy định của pháp luật hay không thì Tòa án xem xét giải quyết. Riêng việc ông K cho rằng ông có nhận tiền bán đất là không đúng vì đất này là của gia đình bên vợ nên ông không có quyền gì cả. Biên nhận ngày 31/2/2007 là tổng hợp các lần nhận tiền mà số tiền này là của Công ty T chi trả chứ không phải tiền của ông K bỏ ra vì phần đất này là cha mẹ vợ ông được nhà nước bồi thường do đất bị thu hồi để xây dựng khu tái định cư. Vì điều kiện bận công tác thường xuyên nên ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Đ thống nhất với yêu cầu của bị đơn và không có ý kiến gì thêm.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.
3. Tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2010.
4. Các thủ tục có liên quan đến việc thu hồi đất và cấp nền tái định cư do Công ty T giải quyết theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn án phí nên nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006996 ngày 28/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Bị đơn được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng phản tố đã nộp theo biên lai thu số 006996 ngày 28/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
6. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bị đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định tài sản với số tiền là 1.500.000 đồng, bị đơn đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên đã được nhận lại số tiền dư 1.500.000 đồng tại Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại các đơn kháng cáo đề ngày 12 tháng 4 năm 2021, ông Lê Văn P và bà Trần Thị Mỹ N cho rằng phạm vi ủy quyền không cho phép phía bị đơn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nền tái định cư cũng như không có quyền định đoạt. Việc giao nền tái định cư cho bị đơn là trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết là xâm phạm lợi ích của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng nguyên đơn không chứng minh được vi phạm của bị đơn nên việc yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền là không có căn cứ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp hợp đồng ủy quyền. Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng ủy quyền đã ký với bị đơn vào ngày 17/11/2010 tại Văn phòng công chứng C. Bị đơn cho rằng bản chất sự việc là xuất phát từ việc bị đơn mua đất của nguyên đơn bằng giấy tay, đã trả đủ tiền, đã bàn giao đất nên khi đất bị thu hồi nguyên đơn đã ký ủy quyền cho bị đơn nhận các quyền lợi của người bị thu hồi đất. Bị đơn có phản tố yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng ủy quyền. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã rút yêu cầu về tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Bút lục 195). Vì vậy, trong phạm vi xét xử sơ thẩm, Tòa án chỉ xem xét quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng ủy quyền.

[3] Theo quy định tại Điều 562 của Bộ luật dân sự thì “Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Quy định này cho thấy, quyền gốc vẫn thuộc về bên ủy quyền. Bên ủy quyền vẫn có toàn quyền định đoạt đối với nội dung ủy quyền. Do vậy, bị đơn yêu cầu buộc nguyên đơn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền là không đúng pháp luật.

[4] Hợp đồng ủy quyền các bên đã ký kết là hợp đồng ủy quyền không có thù lao. Khoản 1 Điều 569 của Bộ luật dân sự quy định, trường hợp ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý. Như vậy, nguyên đơn có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền bất cứ khi nào. Trong trường hợp này, các bên thừa nhận đã có tranh chấp nên đã liên hệ với Công ty T, coi như thể hiện ý chí chấm dứt hợp đồng của nguyên đơn (Bút lục 58) trước khi khởi kiện. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền là có căn cứ chấp nhận. Mặc dù, đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi nhận yêu cầu đề nghị Tòa án hủy hợp đồng ủy quyền nhưng xét bản chất yêu cầu cũng là chấm dứt việc thực hiện hợp đồng ủy quyền nên chấp nhận.

[5] Về hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, theo quy định tại các điều 565, 566, 567, 568 và 569 của Bộ luật dân sự thì khi đơn phương chấm

dứt hợp đồng ủy quyền nếu có thiệt hại thì các bên có quyền yêu cầu bên kia bồi thường. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp tài liệu thể hiện trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, bị đơn đã làm thủ tục khởi kiện lại về quan hệ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nguyên đơn để xác định giá trị pháp lý của hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 22/11/2006 và quyền lợi của người bị thu hồi đất tại Tòa án nhân dân quận Cái Răng. Do vậy, lợi ích của các bên, trong đó có quyền mua nền tái định cư sẽ được xác định dựa trên việc xác định giá trị pháp lý của hợp đồng chuyển nhượng và các quy định của pháp luật liên quan.

[6] Từ các nhận định tại các mục [3], [4], [5] nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ. Yêu cầu phản tố của bị đơn về tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền là không có cơ sở.

[7] Về án phí dân sự, do nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấm dứt việc thực hiện hợp đồng ủy quyền giữa ông Lê Văn P, bà Trần Thị Mỹ N với ông Đỗ Văn K đã ký ngày 17/11/2010 tại Văn phòng công chứng C.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền giữa ông Lê Văn P, bà Trần Thị Mỹ N với ông Đỗ Văn K đã ký ngày 17/11/2010 tại Văn phòng công chứng C.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 006996 ngày 28/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng phản tố đã nộp theo Biên lai thu số 007140 ngày 08/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), công nhận bị đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Cái Răng;
- Chi cục THADS quận Cái Răng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Chế Linh**